

Bản án số: **319/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/10/2021

V/v: “Ly hôn giữa chị T với anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thanh Phong
2. Ông Nguyễn Quốc Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị H, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chị T2, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chị T, anh T có mặt.

Chị H, chị T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị với anh T là do cuộc sống chung không hạnh phúc, anh T không chăm lo đời sống chung của vợ chồng, thường xuyên cờ bạc gây nợ nần. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T

- Về con chung: Có một con chung tên P, sinh ngày 29/01/2014. Hiện con đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Nợ chị H số tiền 35.000.000 đồng; Nợ chị T2 số tiền 21.000.000 đồng. Khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết về nợ chung, để chị với anh T tự thỏa thuận với chị T2 và chị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh đi làm thất bại nên phát sinh nợ thì vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau. Anh với chị T đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T, xin đoàn tụ.

- Về con chung: Có một con chung tên P, sinh ngày 29/01/2014. Hiện con đang sống cùng với chị T. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Nợ chị H số tiền 35.000.000 đồng; Nợ chị T2 số tiền 21.000.000 đồng. Khi ly hôn anh không yêu cầu giải quyết về nợ chung, để anh với chị T tự thỏa thuận với chị T2 và chị H.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07 tháng 04 năm 2021 chị T2 trình bày:

Năm 2020, chị có cho anh T và chị T vay số tiền 21.000.000 đồng. Thời hạn vay từ 02-03 tháng, lãi suất thỏa thuận 06%/tháng. Hai bên không có làm biên nhận nợ. Từ khi vay đến nay thì chị T và anh T có trả lãi cho chị, chưa trả tiền gốc. Nay chị T và anh T ly hôn chị không yêu cầu giải quyết về khoản tiền nợ trong vụ án này để chị với chị T và anh T tự thỏa thuận giải quyết. Nếu phát sinh tranh chấp chị sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng chị H vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi đối với yêu cầu của chị T và anh T, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, chị T2 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung với anh T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Anh T có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T cưới nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo vào năm 2012 là phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T khai là do cuộc sống chung không hạnh phúc, anh T không chăm lo đời sống chung của vợ chồng, thường xuyên gây nộ. Còn theo anh T khai là do anh đi làm thất bại nên phát sinh nợ thì vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T. Phía anh T không đồng ý ly hôn xin được đoàn tụ. Xét thấy chị T và anh T đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cho đến nay mà không giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn được xác định là do mâu thuẫn về kinh tế. Sự việc đều được anh T và chị T thừa nhận và đã xảy ra cách nay nhiều năm mà không có biện pháp nào để giải quyết được mâu thuẫn trên. Anh T không đồng ý ly hôn, nhưng không nêu được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình vợ chồng trong khi cả hai đã sống ly thân với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị T và anh T đã không còn sống chung với nhau nên vợ chồng không có khả năng để hàn gắn được, do đó Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T có một con chung tên P, sinh ngày 29/01/2014. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do hiện cháu P đang sống

trực tiếp với chị T, để tránh xáo trộn trong cuộc sống của cháu ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt của cháu, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu T cũng như nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con, chị T có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T và anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Các đương sự đều không có yêu cầu giải quyết về khoản nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị T và anh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên P, sinh ngày 29/01/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 4758 ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thuận Bình;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vĩnh Lộc